TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 12/8/2022
V/v: Kiện đòi tài sản và
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu và ông Hoàng Văn Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST-DS ngày 05/10/2021 về "Kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS, ngày 05/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 22.1/TB-TA ngày 19/7/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1963 và ông Đào Xuân V, sinh năm 1962;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Xuân V: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Thôn Tân H, xã Phúc T, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

Bà Q có mặt.

- *Bị đơn:* + Công ty TNHH S;

Địa chỉ: Tổ Vĩnh T, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ Vĩnh T, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Q (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Xuân V) trình bày:

Ngày 25/01/2014 ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn S có đến vay của vợ chồng bà (chồng là Đào Xuân V) số tiền là 300.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thỏa thuận thời hạn thanh toán vào ngày 25/7/2014 sẽ trả hết cả gốc và lãi. Mục đích vay tiền của ông H là về trả tiền lương cho công nhân, ông H trực tiếp viết giấy vay tiền, ký nhận và có đóng dấu Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Ngày 27/01/2014 ông Nguyễn Văn H có vay vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 1%, không thỏa thuận thời gian thanh toán, ông H trực tiếp viết tiếp vào giấy vay tiền ngày 25/01/2014, trực tiếp ký nhận vay tiền, không đóng dấu Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Ngày 15/02/2015 ông Nguyễn Văn H vay tiếp vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, ông H trực tiếp viết giấy vay, trực tiếp ký nhận vay tiền, không đóng dấu Công ty trách nhiệm hữu hạn S .

Bà xác định Công ty TNHH S, do ông Nguyễn Văn H giám đốc đại diện vay của vợ chồng bà số tiền là 300.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H vay của vợ chồng bà số tiền 200.000.0000 đồng.

Từ khi vay tiền, đến ngày 31/7/2014 ông H có trả cho vợ chồng bà 24.000.000 đồng tiền lãi của số tiền Công ty TNHH S vay 300.000.000 đồng ngày 25/01/2014 và xin khất nợ lại toàn bộ số tiền đã vay để tiếp tục kinh doanh. Từ đó đến nay vợ chồng bà đã nhiều lần đến Công ty TNHH S yêu cầu ông Nguyễn Văn H thanh toán cho vợ chồng bà toàn bộ số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, nhưng ông H cứ khất lần, thậm chí còn tìm cách tránh mặt vợ chồng bà, không trả tiền.

Do vậy bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết buộc Công ty TNHH S và ông Nguyễn Văn H trả cho vợ chồng bà các khoản tiền, cụ thể như sau:

- Buộc Công ty TNHH S, do ông Nguyễn Văn H – Giám đốc đại diện trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng vay ngày 25/01/2014, không yêu cầu tính lãi.

- Buộc ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng vay ngày 27/01/2014 và số tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng tính tròn từ ngày vay 27/01/2014 đến ngày 27/7/2022 là 102 tháng = 102.000.000 đồng và trả số tiền

nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 15/02/2015, bà không yêu cầu tính lãi.

Về số tiền chi phí trưng cầu giám định là 3.870.000 đồng, bà tự nguyện nộp, đã chi trả xong, bà không yêu cầu Công ty TNHH S và ông H trả khoản tiền này.

Sau khi thụ lý vụ án. Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nhưng ông H đều vắng mặt, Tòa án không tiến hành phiên hoà giải được. Do vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cung cấp thông tin về Công ty TNHH S (mã số doanh nghiệp: 5000235152, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 đến lần thứ 6. Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên hệ thống: Đang hoạt động. Tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, thay đổi lần thứ 6 thể hiện chủ sở hữu là Nguyễn Văn H, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Nguyễn Văn H- Chức danh; Giám đốc.

Nguyên đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn H. Tại Kết luận giám định số 567/GĐ-KTHS ngày 25/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

Chữ viết, chữ số ở mặt trước, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn H trên mẫu giám định ký hiệu A1; chữ viết bằng mực màu xanh có nội dung "Ngày 15/02/2015 … (một trăm triệu đồng chẵn)", chữ "Ký nhận vay tiền", chữ ký ghi tên Nguyễn Văn H trên mẫu giám định ký hiệu A2, với chữ viết, chữ số, chữ ký ghi tên Nguyễn Văn H trên mẫu giám định ký hiệu B1; chữ ký ghi tên Nguyễn Văn H trên mẫu giám định ký hiệu B2, B3; chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Văn H trên mẫn giám định ký hiệu B4 (trừ chữ số, chữ viết tại mục "3. Số" và mục "18. Dấu vết riêng và dị hình") là do cùng một người viết và ký.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 161, 162, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166; 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Buộc Công ty TNHH S, do ông Nguyễn Văn H - Giám đốc đại diện trả cho bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng vay ngày 25/01/2014.

- Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 27/01/2014 và số tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày vay 27/01/2014 đến ngày 27/7/2022 là 102 tháng = 102.000.000 đồng và trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 15/02/2015. Tổng cộng là 302.000.000 đồng.

- Về chi phí giám định: Nguyên đơn đã tự nguyện nộp chi phí giám định là 3.870.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả khoản tiền này. Nên không đề nghị xem xét.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V yêu cầu Công ty TNHH S do ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Giám đốc đại diện trả số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), vay ngày 25/01/2014, hạn trả nợ ngày 25/7/2014, không yêu cầu tính lãi, xác định quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản. Và yêu cầu ông Nguyễn Văn H, có địa chỉ: Tổ Vĩnh T, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 27/01/2014, không thỏa thuận thời hạn thanh toán và số tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày vay 27/01/2014 đến ngày 27/7/2022 là 102 tháng = 102.000.000 đồng và trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 15/02/2015, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, không yêu cầu tính lãi, tổng cộng là 302.000.000 đồng, xác định quan hệ pháp luật là tranh trấp hợp đồng vay tài sản. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án, đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho các

đương sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn yêu cầu do ông Nguyễn Văn H - Giám đốc đại diện trả số tiền 300.000.000 triệu đồng vay ngày 25/01/201, không yêu cầu trả lãi và yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền 200.000.000 đồng vay ngày 27/01/1014 và 15/02/2015 và số tiền lãi của số tiền vay ngày 27/01/2014 là 102.000.000 đồng, nguyên đơn xác định các lần vay tiền ông H đều trực tiếp viết giấy vay tiền và ký nhận. Tại giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 25/01/2014 ông Nguyễn Văn H đại diện cho Công ty TNHH S vay của bà Trần Thị Q số tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng, hạn vay 06 tháng, từ ngày 25/01/2014 đến ngày 25/7/2014 trả hết cả gốc và lãi, ông H ký và đóng dấu Công ty TNHH S; ngày 27/01/2014 ông Nguyễn Văn H vay thêm bà Trần Thị Q số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, ông H ký nhận vay lấy tiền; ngày 15/02/2015 ông Nguyễn Văn H vay của bà Q, ông V 100.000.000 đồng.

Căn cứ vào giấy vay tiền, kết luận giám định và ý kiến của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 25/01/2014 Công ty TNHH S, do ông Nguyễn Văn H – Giám đốc đại diện có vay của vợ chồng bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền 300.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn thanh toán; ngày 27/01/2014 ông Nguyễn Văn H có vay vợ chồng bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân Vân số tiền 100.000.000 đồng có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn thanh toán và ngày 15/02/2015 ông Nguyễn Văn H có vay vợ chồng bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V 100.000.000 triệu đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn thanh toán.

Quá trình thực hiện Công ty TNHH S và ông Nguyễn Văn H không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, dù vợ chồng bà Q đã đòi nhiều lần, nhưng ông H cứ khất lần không trả, nên bà Q, ông V khởi kiện yêu cầu trả tổng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Đối với khoản tiền Công ty TNHH S vay của vợ chồng bà Q, ông V số tiền gốc 300.000.000 đồng vào 25/01/2014, hạn trả nợ ngày 25/7/2014, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Đến ngày 31/7/2014 ông H có trả cho vợ chồng bà Q 24.000.000 đồng tiền lãi của số tiền Công ty TNHH S vay 300.000.000 đồng, đến nay bà Q và ông V không yêu cầu tính lãi, nên HĐXX không xem xét giải quyết;

Đối với số tiền ông Nguyễn Văn H vay của vợ chồng bà Q, ông V số tiền gốc 100.000.000 đồng vào ngày 15/02/2015, không thỏa thuận lãi suất và thời

hạn thanh toán, bà Q và ông V không yêu cầu tính lãi, nên HĐXX không xem xét giải quyết;

Đối với số tiền ông Nguyễn Văn H vay vợ chồng bà Q, ông V số tiền gốc 100.000.000 đồng vay ngày 27/01/2014, vợ chồng bà Q và ông V yêu cầu trả lãi theo thỏa thuận trong giấy vay tiền là 1%/tháng, tính tròn từ ngày vay 27/01/2014 đến ngày 27/7/2022 là 102 tháng = 102.000.000 đồng, xét thấy khoản vay này, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, hai bên có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định pháp luật, nên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu trả lãi của vợ chồng bà Q và ông V.

Từ nhận định trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc Công ty TNHH S, do ông Nguyễn Văn H giám đốc đại diện trả cho bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng vay ngày 25/01/2014;

- Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 15/02/2015 và số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 27/01/2014 + với số tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày vay 27/01/2014 đến ngày 27/7/2022 là 102 tháng = 102.000.000 đồng, tổng cộng là 302.000.000 đồng.

[3]. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí trưng cầu giám định là 3.870.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện nộp, đã chi trả xong, nguyên đơn không yêu cầu Công ty TNHH S và ông H trả khoản tiền này. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 161, 162, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166; 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V.

- Buộc Công ty TNHH S (người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Giám đốc) có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền vay gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vay ngày 25/01/2014.

- Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền vay gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vay ngày 15/02/2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

- Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân V số tiền vay gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vay ngày 27/01/2014 và số tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày vay 27/01/2014 đến ngày 27/7/2022 là 102 tháng = 102.000.000đ (Một trăm linh hai triệu đồng). Tổng cộng là 202.000.000đ (Hai trăm linh hai triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH S (người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Giám đốc) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.100.000đ (Mười lăm triệu một trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Q và ông Đào Xuân Vân không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Q và ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.080.000đ (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0003526 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Thị Thu **Hoàng Văn Tấn** **Hoàng Mạnh Tuấn**